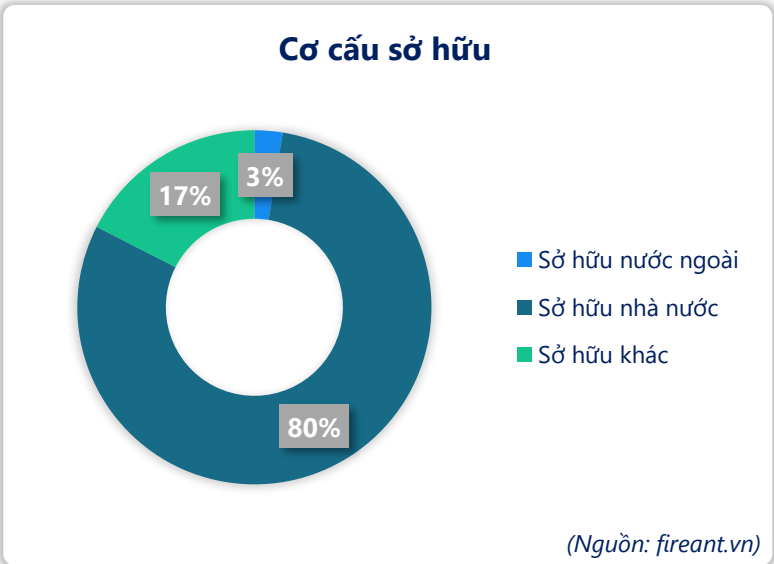
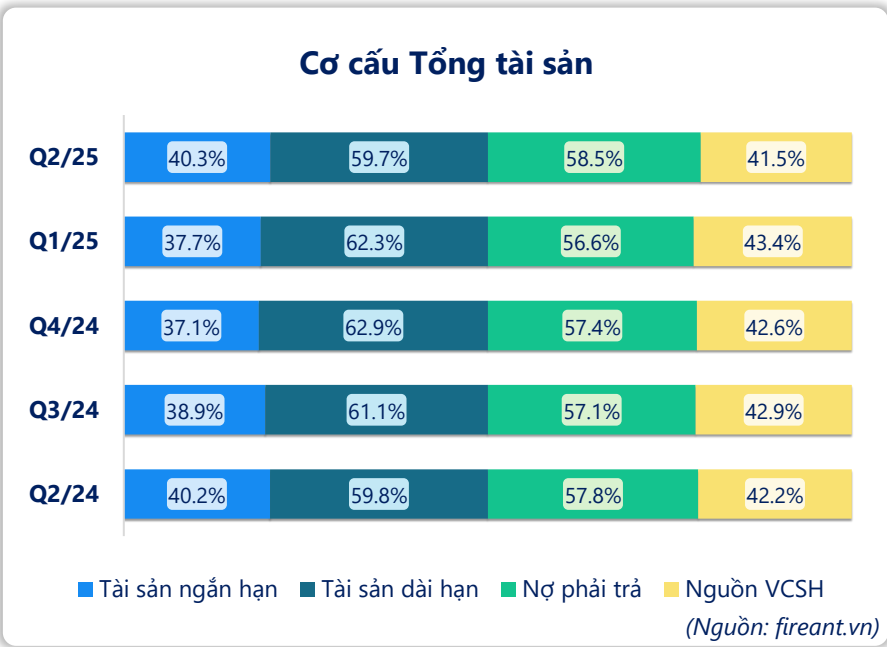
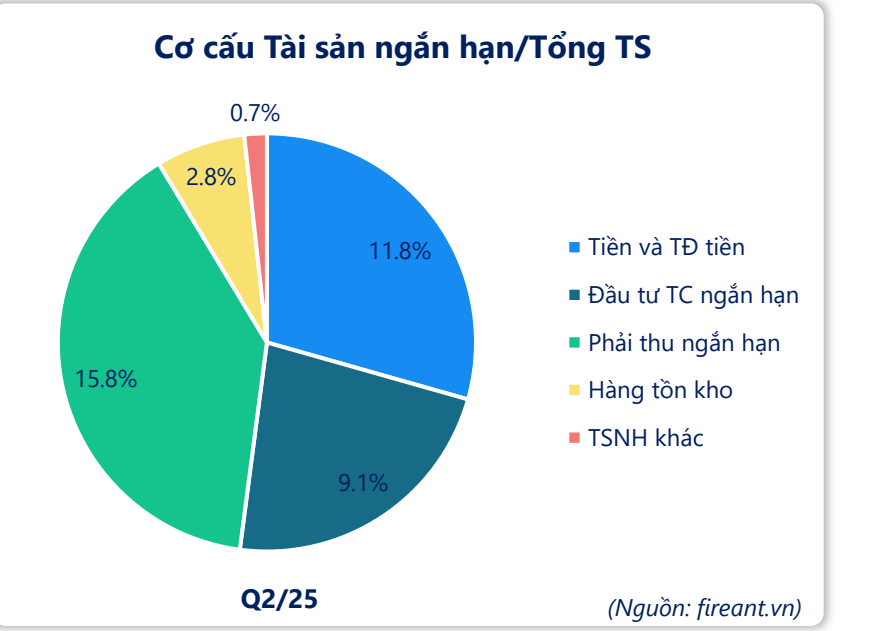
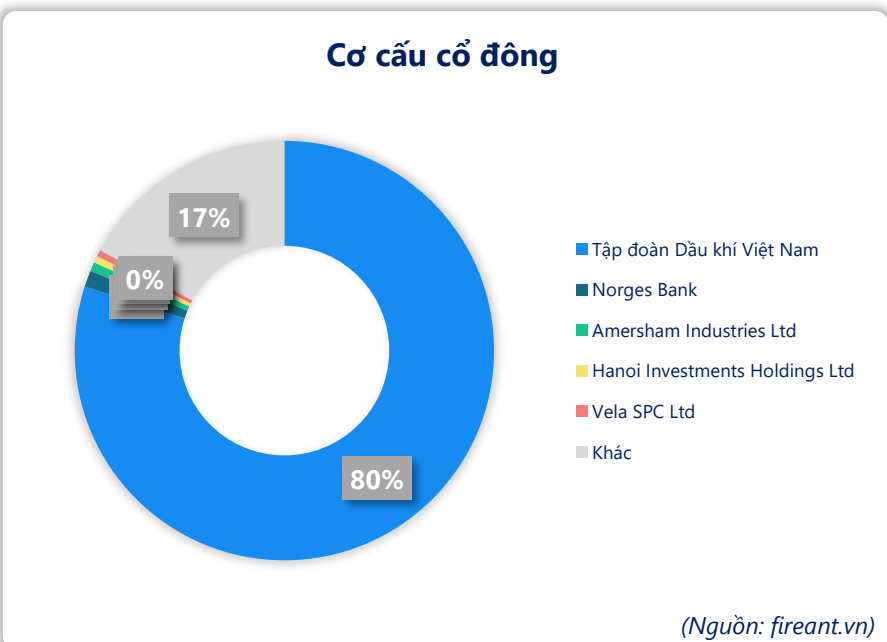
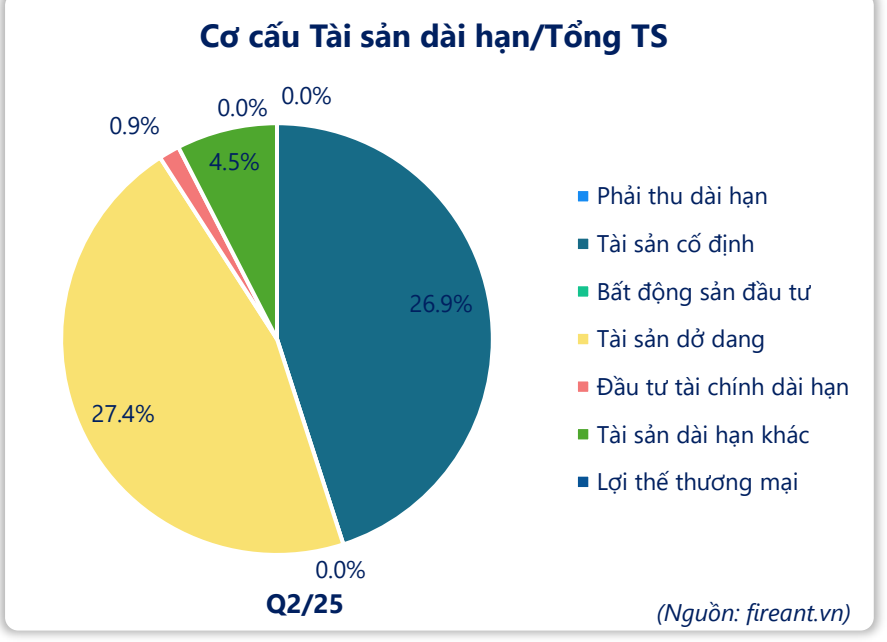
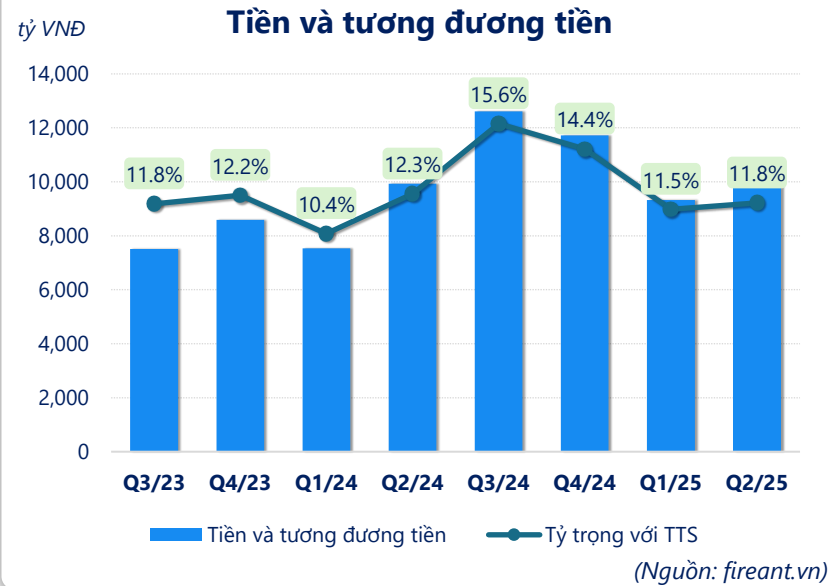
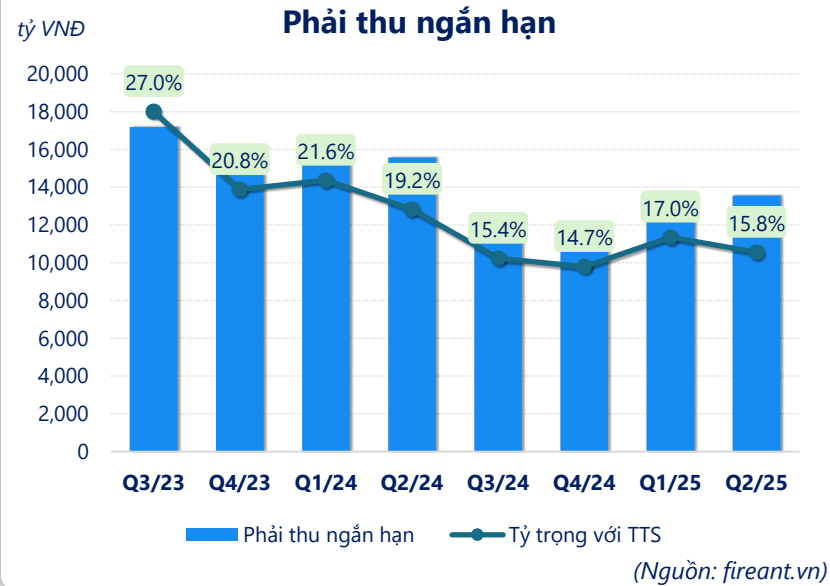
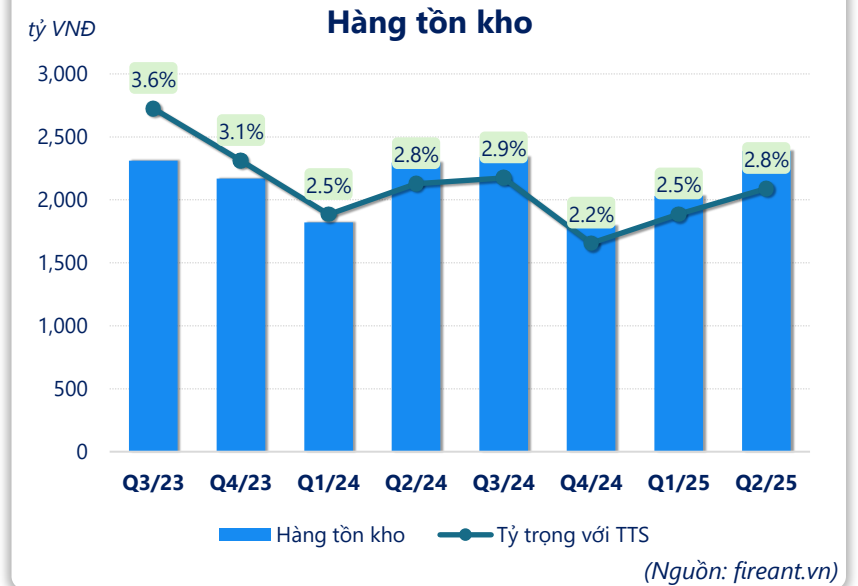
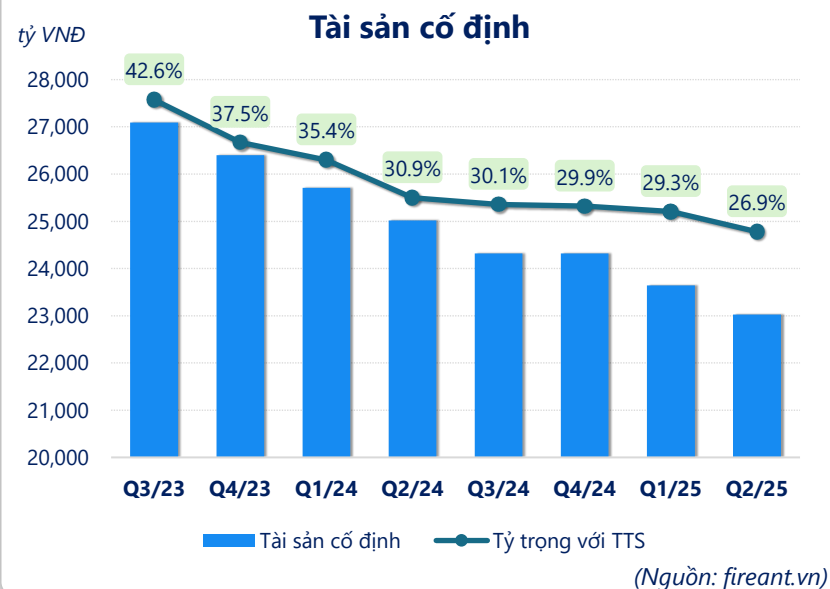
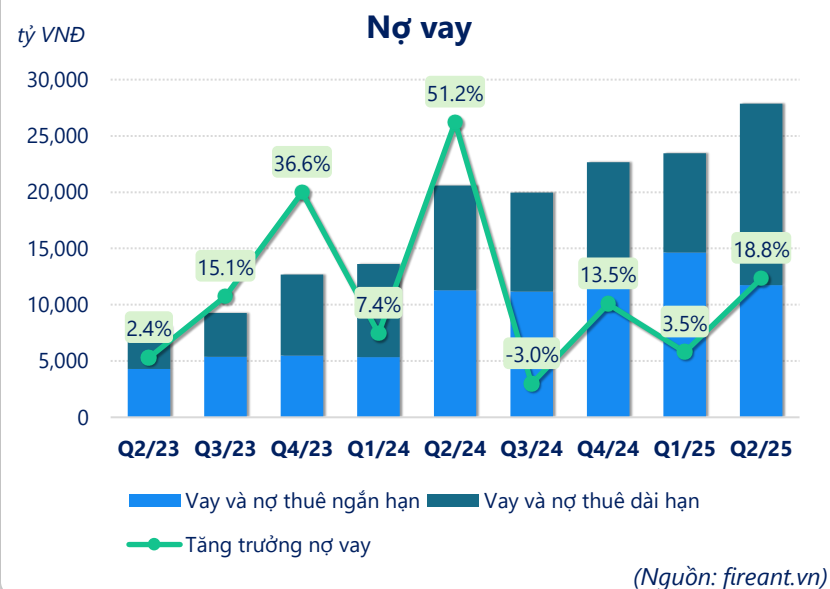
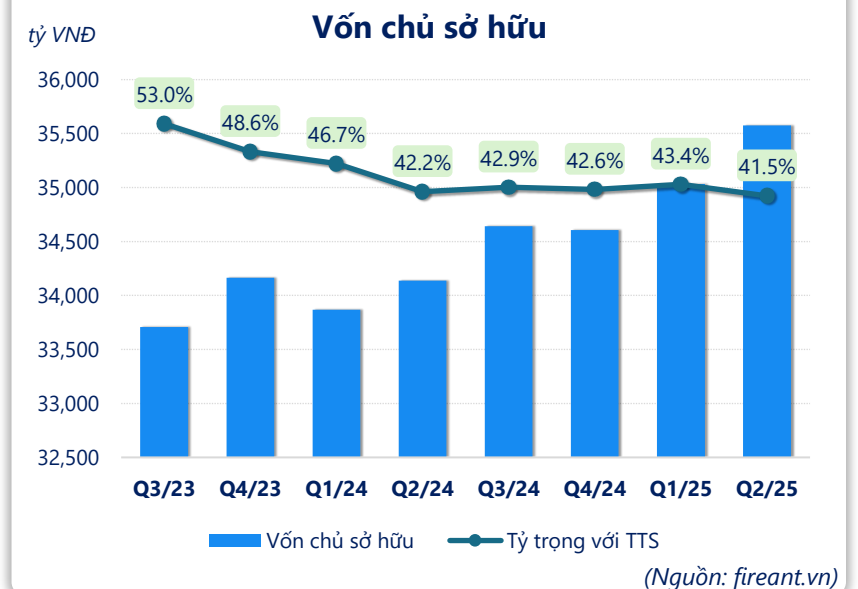
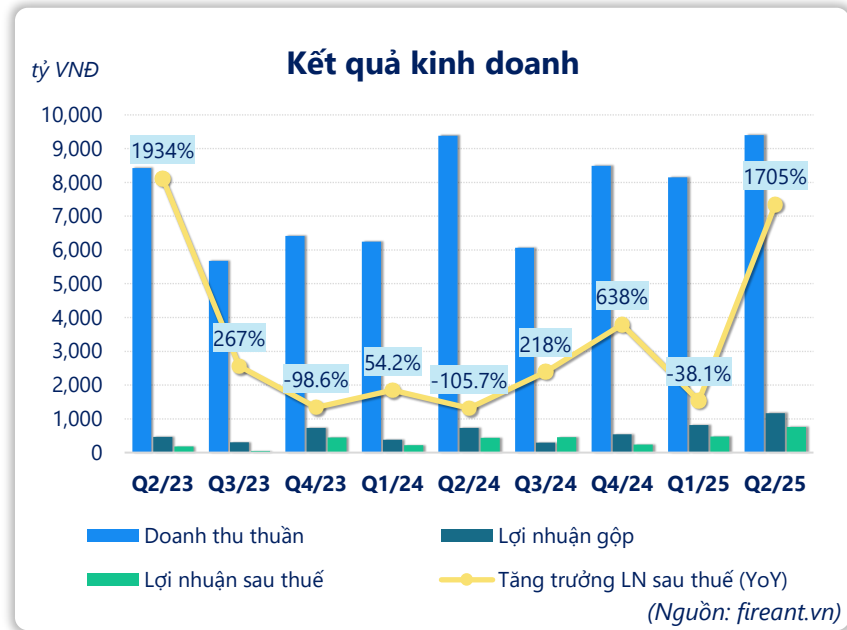
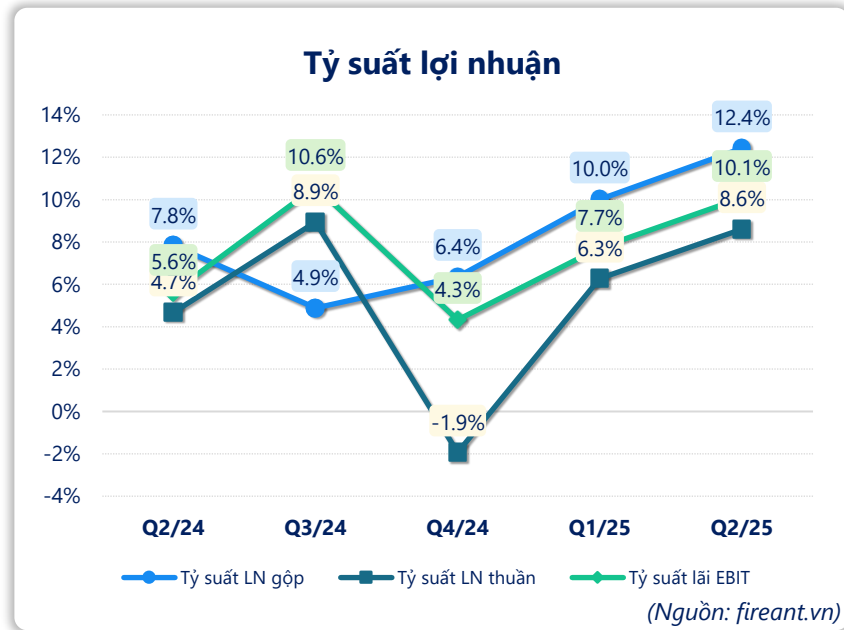
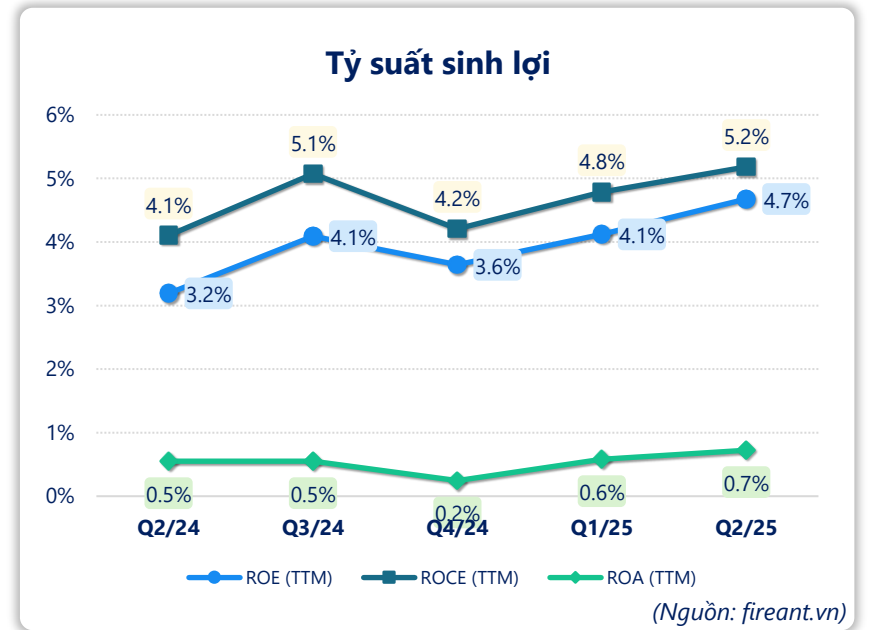
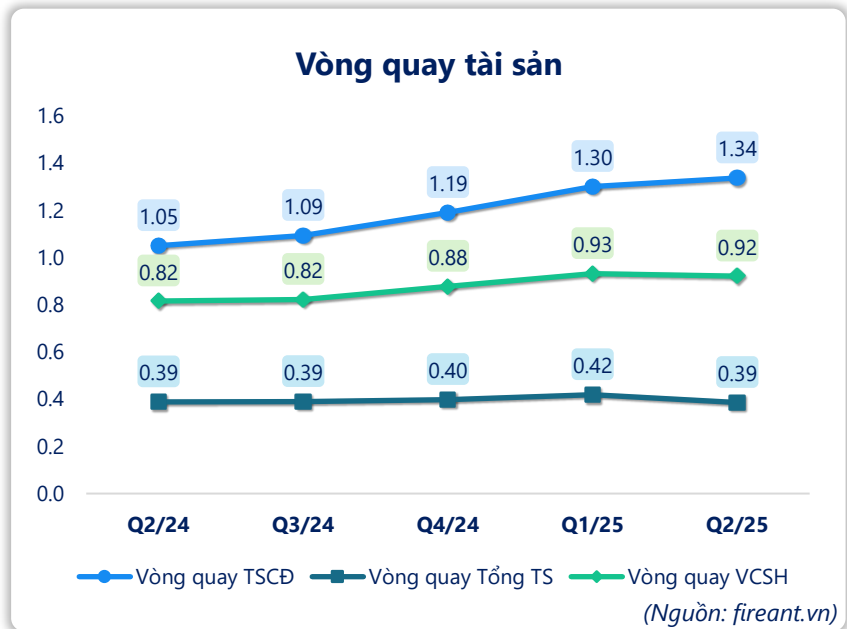
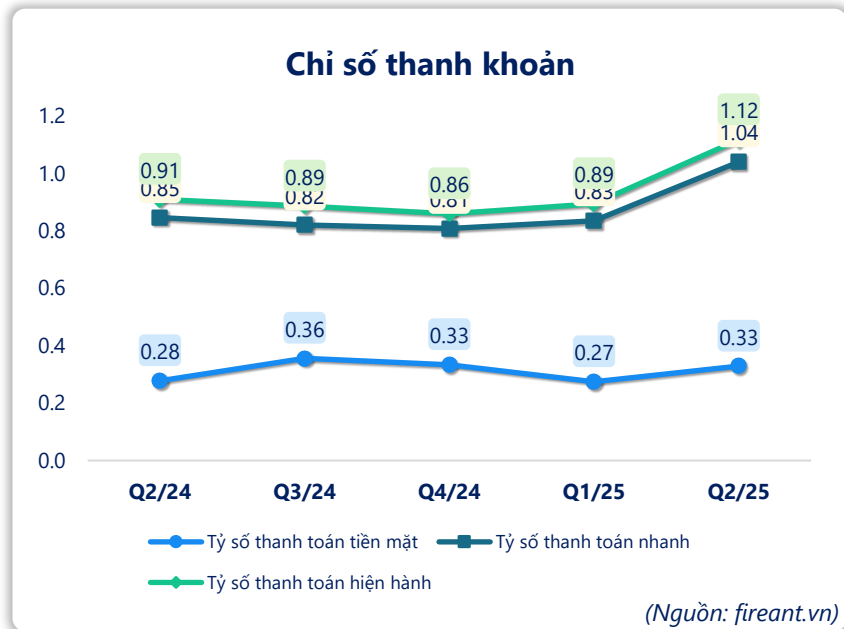
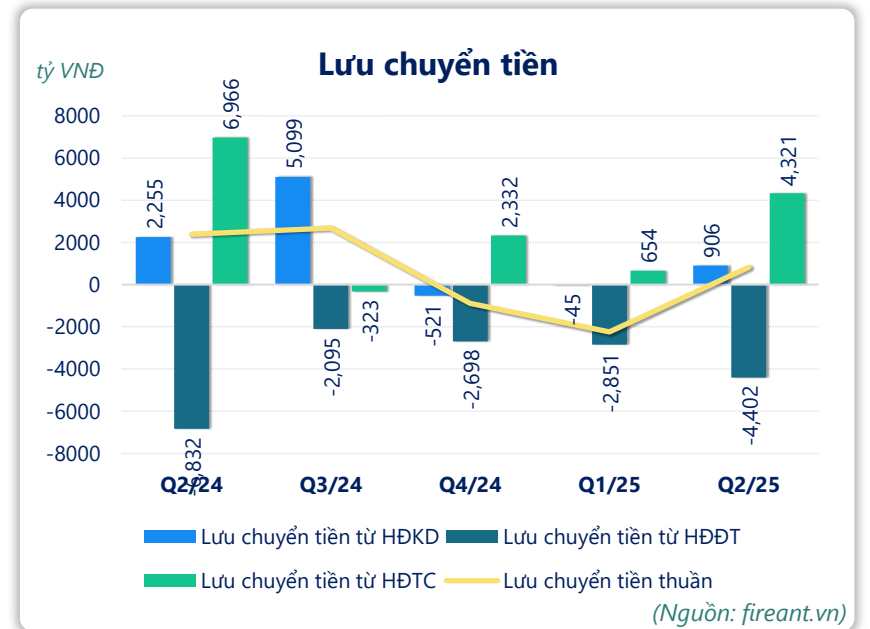


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,930
SL cổ phiếu LH		2,341,871,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,625,120
% sở hữu nước ngoài		2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		30,444
P/E		18.7
EPS		696

	YTD	1T	3T	6T
POW	8.3%	-3.3%	1.6%	7.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	85,651	79,915	7.2%
Tài sản ngắn hạn	34,520	29,981	15.1%
Tiền và tương đương tiền	10,147	11,564	-12.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,829	4,112	90.4%
Phải thu ngắn hạn	13,558	11,873	14.2%
Hàng tồn kho	2,387	1,795	32.9%
Tài sản ngắn hạn khác	600	636	-5.7%
Tài sản dài hạn	51,131	49,934	2.4%
Phải thu dài hạn	0.68	0.35	93.4%
Tài sản cố định	23,022	24,321	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	23,451	19,759	18.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	796	766	4.0%
Tài sản dài hạn khác	3,861	5,088	-24.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	50,076	45,234	10.7%
Nợ ngắn hạn	30,918	33,457	-7.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11,735	13,508	-13.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	14,703	15,726	-6.5%
Nợ dài hạn	19,157	11,777	62.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	16,134	9,151	76.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	35,576	34,681	2.6%
Vốn chủ sở hữu	35,576	34,681	2.6%
Vốn điều lệ	23,419	23,419	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	9,382	6,061	8,493	8,150	9,399
Giá vốn hàng bán	8,647	5,765	7,954	7,334	8,231
Lợi nhuận gộp	735	296	540	816	1,168
Doanh thu HĐTC	104	411	-0.26	208	206
Chi phí TC	206	-3.29	310	176	399
Chi phí lãi vay	87.9	95.6	118	119	138
LN trong công ty LKLD	0.70	0	0	0.53	0.04
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	195	169	394	338	166
LN thuần từ HĐKD	439	542	-164	511	809
Lợi nhuận khác	3.19	5.14	414	-0.95	0.64
LN trước thuế	442	547	250	510	810
Lợi nhuận sau thuế	441	453	235	472	761
LNST của CĐ cty mẹ	392	396	186	445	602

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2,255	5,099	-521	-44.9	906
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6,832	-2,095	-2,698	-2,851	-4,402
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6,966	-323	2,332	654	4,321
Tiền đầu kỳ	7,538	9,928	12,608	11,564	9,323
Lưu chuyển tiền thuần	2,389	2,681	-888	-2,241	824
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	-0.06	0.08	0.06	-0.02
Tiền cuối kỳ	9,928	12,608	11,720	9,323	10,147

(Nguồn: fireant.vn)